

Bản án số: 39/2020/DSST

Ngày 29/5/2020

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Võ Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 278/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 về: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Thanh H**, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Hiệp Trung, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

2. *Bị đơn:* Ông **Phan R**, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Kiên Hảo, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn ông Bùi Thanh H trình bày:*

Vào ngày 20/7/2018, ông Phan R có đến mua thiếu của tôi số vật tư nông nghiệp gồm: 09 bao phân đạm, 08 bao phân DAP và 01 bao phân kali với số tiền là 9.000.000 đồng. Đến ngày 11/11/2018 ông Phan R tiếp tục mua thêm 20g thuốc xịt ốc và 04 chai

thuốc với giá 1.240.000 đồng. Tổng cộng là 10.240.000 đồng. Tôi có đến yêu cầu ông R thanh toán nợ nhiều lần nhưng ông R cứ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan R phải trả cho tôi số tiền mua phân và thuốc còn thiếu nợ 10.240.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày ông R viết cam kết 11/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất là 1%/tháng.

** Tại Bản tự khai ngày 13/5/2020, bị đơn ông Phan R trình bày:*

Vào vụ thu đông năm 2019 tôi có mua của ông H một số vật tư nông nghiệp. Sau khi kết nợ tôi còn nợ ông H 10.240.000 đồng. Nay ông H yêu cầu tôi trả 10.240.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 1.331.000 đồng thì tôi xin trả tiền gốc và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ.

** Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở xác định vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phan R có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phan R.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

Vào năm 2018 ông Phan R có mua vật tư nông nghiệp của ông Bùi Thanh H và còn nợ số tiền là 10.240.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán. Việc thiếu nợ này phía bị đơn ông Phan R cũng thừa nhận tại Bản tự khai ngày 13/5/2020 nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng...”

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này...”

Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 nêu trên thì ông Phan R còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Do vậy, yêu cầu của ông H buộc ông Phan R phải trả lãi là có căn cứ để chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau: $10.240.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 16 \text{ tháng} = 1.638.400 \text{ đồng}$.

Tổng cộng gốc và lãi là $10.240.000\text{đ} + 1.638.400\text{đ} = 11.878.400 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng của ông Phan R, HĐXX xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Phan R phải có trách nhiệm trả cho ông H số tiền 11.878.400 đồng.

4. Về án phí:

- Ông Phan R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $11.878.400\text{đ} \times 5\% = 594.000 \text{ đồng}$.

- Ông Bùi Thanh H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 357, 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh H đối với ông Phan R.

Buộc ông Phan R phải có trách nhiệm trả cho ông Bùi Thanh H số tiền 11.878.400 đồng (Mười một triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn, bốn trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi

hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí DSST:

- Ông Phan R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 594.000 đồng (Năm trăm chín mươi tư ngàn đồng).

- Ông Bùi Thanh H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009199 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Rêng ông Phan R được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tòa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc